

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐƠN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2021/DS-ST.

Ngày 25/6/2021.

*V/v: Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Mai Thu.

2/ Ông Trần Vĩnh Trung.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 24/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 09/6/2021. Giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số B, đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông L – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch - Kinh doanh, đến ngày 25/6/2021 thay đổi ủy quyền từ ông Nguyễn Văn T sang ông Lê Quang S – Chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Trung tâm huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2/ *Bị đơn:* Vợ chồng ông Ông Hoàng Đình M, sinh năm 1959, bà Ma Thị Th, sinh năm 1974

Nơi cư trú trước khi đi khỏi địa phương: Thôn E, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk– đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang S trình bày như sau:

Ngày 30 tháng 03 năm 2017 bà Ma Thị T, ông Hoàng Đình M vay của Ngân hàng A, chi nhánh huyện B, Đắc Lắc Số tiền vay: 135.000.000đ (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số: 5213LAV201700812, Thời hạn vay: 36 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng: 29/03/2020; Lãi trong hạn 12%/năm; lãi quá hạn 150% so với mức lãi suất trong hạn; Khoản vay nói trên được đảm bảo bằng hình thức tín chấp trả nợ từ lương hàng tháng.

Quá trình vay đã trả được số tiền gốc 67.500.000 đồng và lãi là 20.556.417 đồng. Tính đến ngày 25/6/2021 còn nợ gồm: Nợ gốc: 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 18.787.500đ (mười tám triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), nợ lãi quá hạn: 4.676.250đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng cộng các khoản: 90.963.750đ (chín mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Do bà Ma Thị T, ông Hoàng Đình M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên đề nghị Tòa án buộc bà Ma Thị T, ông Hoàng Đình M phải trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201700812 ngày 30/03/2017 cho đến khi trả hết nợ.

*Bị đơn:* Bà Ma Thị T, ông Hoàng Đình M vắng mặt nên không ghi được ý kiến của họ.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vợ chồng ông M, bà T vẫn vắng mặt. Như vậy, vợ chồng ông M, bà T thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó hôm nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông M, bà T theo thủ tục chung là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, Điều 186 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 3 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắc Lắc để buộc vợ chồng ông Hoàng

Đình M, bà Ma Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 5213LAV201700812 ngày 30/3/2017 tính đến ngày 25/6/2021 gồm: Nợ gốc: 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 18.787.500đ (mười tám triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), nợ lãi quá hạn: 4.676.250đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng cộng các khoản: 90.963.750đ (chín mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201700812 ngày 30/3/2017 kể từ ngày 26/6/2021 cho đến trả xong toàn bộ các khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Buộc vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, do vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T vắng mặt, nên Tòa án đã đến tại nơi cư trú của vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T để xác minh và được biết vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Thôn E, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nhưng cả hai vợ chồng bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2019 đến nay không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vợ chồng ông M, bà T vẫn vắng mặt. Do vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 30/03/2017 vợ chồng bà Ma Thị T, ông Hoàng Đình M vay của Ngân hàng A, chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk Số tiền vay: 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: 5213LAV201700812, Thời hạn vay: 36 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng: 29/03/2020; Lãi trong hạn 12%/năm; lãi quá hạn 150% so với mức lãi suất trong hạn; Khoản vay nói trên được đảm bảo bằng hình thức tín chấp trả nợ từ lương hàng tháng.

Quá trình vay đã trả được số tiền gốc 67.500.000 đồng và lãi là 20.556.417 đồng. Tính đến ngày 25/6/2021 còn nợ gồm: Nợ gốc: 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 18.787.500đ (mười tám triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), nợ lãi quá hạn: 4.676.250đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng cộng các khoản: 90.963.750đ (chín mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

[3] Về hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả nợ: Xét hợp đồng tín dụng số 5213LAV201700812 ngày 30/3/2017 được ký giữa Ngân hàng A, Chi nhánh huyện B,

tỉnh Đắk Lắk và vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký, bên vay vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Vì vậy, phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc phía bị đơn trả toàn bộ nợ gốc, lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, Điều 186 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 3 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A, Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

1. Buộc vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 5213LAV201700812 ngày 30/3/2017 tính đến ngày 25/6/2021 gồm: Nợ gốc: 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 18.787.500đ (mười tám triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng), nợ lãi quá hạn: 4.676.250đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi đồng). Tổng cộng các khoản: 90.963.750đ (chín mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201700812 ngày 30/3/2017 kể từ ngày 26/6/2021 cho đến trả xong toàn bộ các khoản nợ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Hoàng Đình M, bà Ma Thị T phải chịu 4.548.187đ (bốn triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) tiền án phí dân

sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 2.274.000đđ (hai triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002284 ngày 19/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**+ Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**  
(Đã ký)

**Bùi Xuân Sơn**



